TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án ~~số:~~ **296**~~/2023/~~HS-PT
Ngày 31 - 8 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trực.

2. Ông Ngô Đức Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Việt A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Việt A, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1983, tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu tập thể B Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên hàng không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành K và bà Trần Thị D; có vợ và có hai người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 8 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, "có mặt".

- Bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị:

Họ và tên: Tăng Quốc T, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1987, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mán; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Chắn N và bà Đặng Kim T1; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08 tháng 9 năm 2006,

bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 41/2006/HSST, đến ngày 01 tháng 5 năm 2008 chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích. Bị bắt, tạm giam trong vụ án này ngày 14 tháng 8 năm 2020, đến ngày 05 tháng 01 năm 2021 bị bắt tạm giam trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản (vụ án đang được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý) "có mặt".

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh P sinh năm 1985. Địa chỉ: B Ông Í, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội "vắng mặt".

2. Ông Tống Đoàn Minh Q, sinh năm: 1980. Địa chỉ: B, Block B, Chung cư A, đường C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

3. Bà Đồ Thị Cẩm H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: 4 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

4. Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm: 1997. Địa chỉ: 4 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

5. Bà Đoàn Thị Trúc B, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Thôn L, xã B, Thành phố T, tỉnh Phú Yên "vắng mặt".

6. Bà Châu Thị Kim Y, sinh năm 1998. Địa chỉ: A.03 Chung cư P, A T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

7. Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ E, ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

8. Ông Trần Giang T2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

9. Ông Bùi Hữu P1, sinh năm 1992. Địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

10. Bà Huỳnh Lâm Trúc P2, sinh năm 1993. Địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

11. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang "vắng mặt".

- *Người bào chữa:*

+ Ông Ngô Văn T4 – Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư Thành phố H là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt A.

Địa chỉ: 2 Đ, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội "có mặt".

+ Bà Trịnh Thị Việt K1 – Luật sư thuộc Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt A.

Địa chỉ: V, Khu đô thị L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Việt A và Tăng Quốc T là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2020, V từ thành phố Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh gặp T và cùng Nguyễn Thanh P, Tống Đoàn Minh Q đi ăn uống tại nhà hàng H2, Quận G. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả nhóm tiếp tục đến nhà hàng K3, số F - F P, phường N, Quận A để ăn uống và hát karaoke. Khi đến nhà hàng, cả nhóm được nhân viên sắp xếp vào phòng 4A1 tại tầng 4 của nhà hàng. Tại đây, T và Việt A thỏa thuận thống nhất cùng nhau mua ma túy để sử dụng chung nên T đi ra ngoài hành lang kiếm nhân viên hỏi mua ma túy thì gặp 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy của người này và được người này mang 01 gói ma túy tổng hợp loại Ketamine và 03 viên nén màu cam (loại thuốc lắc) vào phòng 4A1 để sử dụng. Sau đó, có 01 nhân viên nam đeo khẩu trang (không rõ lai lịch) vào lấy gói ma túy tổng hợp loại Ketamine đổ một phần vào bình thủy tinh đựng nước cam và đổ một phần lên đĩa sứ cà nhuyễn, số còn lại trong gói ma túy tổng hợp loại Ketamine và 03 viên thuốc lắc để lại trên bàn. Sau khi cà nhuyễn ma túy, nam nhân viên phục vụ đưa đĩa có ma túy để Việt A và T sử dụng rồi đi ra ngoài. Trong lúc cả nhóm ăn uống và hát karaoke thì T liên lạc rủ thêm Nguyễn Thúy L, Châu Thị Kim Y, Đỗ Thị Cẩm H1 và Đàm Thị Trúc B1 vào phòng cùng ăn uống và hát karaoke chung.

Đến khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14 tháng 8 năm 2020, trong lúc cả nhóm đang ăn uống và hát karaoke tại phòng 4A1 thì bị đoàn kiểm tra Công an Q1 tiến hành kiểm tra hành chính. Thời điểm kiểm tra trong phòng 4A1 có Nguyễn Việt A, Tăng Quốc T, Nguyễn Thanh P, Tống Đoàn Minh Q, Nguyễn Thúy L, Đàm Thị Trúc B1, Châu Thị Kim Y, Đỗ Thị Cẩm H1. Đồng thời phát hiện trên bàn có 01 đĩa sứ màu trắng chứa bột màu trắng, 01 thẻ nhựa giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức L1, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng được quấn tròn, 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu cam và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (Việt A và T khai nhận là ma túy tổng hợp do cả hai mua để sử dụng) nên tiến hành thu giữ toàn bộ vật chứng và đưa Việt A và T cùng những người liên quan về Công an phường N, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 xử lý theo thẩm quyền. (bút lục: 48-51)

Theo bản kết luận giám định số: 1415/KLGĐ-H ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Phòng K4 Công an Thành phố H kết luận: 02 gói được niêm phong bên trong có: Gói 1: Bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6288g, loại Ketamine. Gói 2: 01 gói nylon chứa: 03 viên nén màu cam là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,9605g, loại MDMA; Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,9991g, loại Ketamine. (bút lục: 63)

Quá trình điều tra, Nguyễn Việt A và Tăng Quốc T khai nhận: T và Việt A đã thỏa thuận thống nhất cùng nhau mua ma túy để sử dụng. Lời khai của Việt A phù hợp lời khai của T và những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ mà

cơ quan điều tra đã thu thập được. Sau đó, Việt A thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho T và Việt A, nam nhân viên vào phòng 4A1 cà ma túy cho T và Việt A sử dụng. Qua điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với người thanh niên trong hình tên "Bảo" mà Việt A cung cấp cho Cơ quan tiến hành tố tụng. Qua điều tra xác minh không phải là người thanh niên vào phòng 4A1 của nhà hàng K3 cà và đưa đĩa ma túy cho T và Việt A sử dụng. Người thanh niên trong hình mà Việt A cung cấp là tài xế lái xe tên "B2" hay có tên là Nguyễn Đức L1 mà T mới tuyển vào làm được 03 ngày. Đồng thời tài xế tên "Bảo" (Nguyễn Đức L1) sau khi chở T và Việt A đến nhà hàng đã điều khiển xe đi về, không có mặt tại phòng 4A1 của nhà hàng K3 như lời khai của Việt A. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nam thanh niên vào phòng cà và đưa đĩa ma tuý cho T và Việt A sử dụng, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Đức L1 là tài xế lái xe cho T. Qua xác minh hiện L1 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã đề nghị báo Công an Thành phố H đăng tin tìm L1 nhưng chưa có thông tin nên Cơ quan điều tra không ghi được lời khai đối với L1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt A, bị cáo Tằng Quốc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Việt A 01 (một) năm 02 (hai) tháng 08 (tám) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2021; do thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; buộc bị cáo phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Tằng Quốc T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2020; buộc bị cáo phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, uyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 29/3/2023 bị cáo Nguyễn Việt A làm đơn kháng cáo kêu oan, bị cáo Tằng Quốc T không kháng cáo và không bị kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị cáo Nguyễn Việt A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tuyên bị cáo không phạm tội.

* Đại diện Viện Kiểm sát sau khi phân tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi các căn cứ sau đây:

- Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, quá trình điều tra lại, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền. Đối với những vi phạm thủ tục tố tụng về thời gian, địa điểm trong việc lập biên bản, thu thập tang vật vụ án quá trình điều tra bổ sung đã có văn bản giải trình của điều tra viên, sai phạm về thủ tục tố tụng và sai phạm của cán bộ điều tra không làm thay đổi sự thật khách quan của vụ án, không thay đổi hành vi phạm tội của bị cáo.

- Quá trình điều tra lại vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện đúng quy định tại Điều 133, 198 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các tài liệu thu thập bổ sung, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản nhận dạng thực hiện đúng quy định của BLTTHS, những sai sót về thủ tục trước đó đã được khắc phục và giải trình bằng văn bản.

- Như vậy, mặc dù bị cáo Nguyễn Việt A không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tuy nhiên căn cứ vào bản tự khai, tường trình, 02 biên bản đối chất giữa V - T (có ghi âm ghi hình) vào các ngày 14/8/2020, 20/8/2020, xác định hành vi của bị cáo phù hợp lời khai đồng phạm Tăng Quốc T xác định: vào khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14/8/2020, tại phòng 4A1, tầng 4, nhà hàng K5, số 63 – F P, Phường N, Quận A, Nguyễn Việt A và Tăng Quốc T có hành vi cất giữ tổng cộng 1,6279 gam Ketamine và 0,9605 gam MDMA để cùng sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cơ quan tiến hành tố tụng Quận 1 khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Việt A.

Luật sư Ngô Văn T4 bào chữa cho bị cáo Việt A tranh luận: Về mặt chủ quan và khách quan không có căn cứ để kết tội Nguyễn Việt A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bởi lẽ:

+ Ngày 13/8/2020 Việt A từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh thì T là người đón và mời Việt A đi ăn nhậu tại nhà hàng H2 của Quận G, sau đó mời Việt A đi qua quán K6 để hát và T chuẩn bị ma túy, gọi gái vào để ăn chơi và hát karaoke. Ma túy do tài xế của T là Nguyễn Đức L1 mang vào, xào ma túy và mời mọi người trong phòng cùng sử dụng, quá trình khám xét tại phòng cơ quan điều tra có thu giữ giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức L1 như vậy vật chứng thu giữ phù hợp với lời khai của Trúc B1, Kim Y thể hiện L1 là người chuẩn bị ma túy mang ma túy vào phòng nhưng chưa được cơ quan điều tra làm rõ.

+ Trong quá trình tạm giữ thì T2 là người đã gợi ý cho bị cáo Việt A về việc khai báo nhận tội để được tha về và yêu cầu bị cáo Việt A chuyển 30 triệu cho những cá nhân không rõ thông tin. Việc chuyển tiền này là có thật, và vụ việc này đang được Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát Tối cao thụ lý điều tra.

+ Qúa trình điều tra một số biên bản hoạt động điều tra có vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ như biên bản niêm phong vật chứng không có chữ ký của bị cáo, các biên bản đều không được lập tại phòng 4A1 mà mang về công an phường để thực hiện. Kết quả test ma túy thể hiện Việt A không dương tính với Ketamine do đó, có thể chất được nghi là ma túy không phải là ma túy, mà do cơ quan điều tra công an Q1 đánh tráo, gài bẫy đối với bị cáo Việt A để bắt giữ Việt A.

+ Biên bản bắt người phạm tội quả tang vẫn thể hiện có thu giữ ma túy, có giấy cuộn tròn, có giấy phép lái xe, biên bản này lập tại công an phường N. Như vậy 04 bản ảnh thể hiện có 03 viên nén trong đĩa xứ màu trắng. Các biên bản này lập không đúng thời gian, địa điểm, nhiều cán bộ, công an, Viện Kiểm sát có nhiều gian đối trong việc tiến hành điều tra vụ án.

+ Cán bộ điều tra cùng thời gian lại làm việc với nhiều đương sự ở cùng địa điểm và thời điểm là không đúng, việc làm gian dối của cán bộ điều tra. Đây là vụ án không có thật, mà do cán bộ điều tra hợp thức hóa hồ sơ, gian dối trong quá trình điều tra vụ án. Việc lập biên bản thu giữ có nhiều vi phạm theo quy định tại Điều 198, Điều 90, Điều 133; Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cho thấy: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản ảnh hiện trường là không có thật. Việc sử dụng các biên bản này để buộc tội bị cáo Nguyễn Việt A là trái với Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, việc bị cáo Nguyễn Việt A kêu oan là có căn cứ. Ngoài ra việc phạt bị cáo bằng với thời gian tạm giữ tạm giam với mức án 01 năm 02 tháng 8 ngày là không đúng với thời gian bị cáo bị tạm giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội, trả lại quyền tự do công dân, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, trả lại tài sản cho công dân.

Luật sư Trịnh Thị Việt K1 tranh luận với Viện Kiểm sát:

- Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên bị cáo Nguyễn Việt A phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là không có căn cứ, tôi sẽ chỉ ra các sai phạm của Bản án sơ thẩm và khẳng định kháng cáo kêu oan của Nguyễn Việt A là có đúng, cụ thể:

+ Tại trang 3, 4, 5 của Bản án đã nhận định căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo diễn biến phiên tòa,… ngay tại phần nội dung này thể hiện T gọi người mang vào viên 03 viên nén màu cam loại thuốc thắc và gói ma túy, 03 viên nén thể hiện chưa sử dụng, còn gói thuốc lắc thì đổ 01 phần vào bình thủy tinh, và nước cam, điều đó thể hiện Việt A có sử dụng chất Ketamine nhưng kết

luận giám định thì Việt A âm tính với K2, và dương tính với chất ma túy khác, đó là sự bất hợp lý, rõ ràng như vậy.

+ Bản án sơ thẩm và tại phiên tòa này đều căn cứ vào biên bản đối chất ngày 14/8/2020, lúc này Việt A đang dương tính với ma túy, T cũng như vậy, việc đối chất giữa 02 người dương tính ma túy sẽ không khách quan, do đó, tôi đề nghị bác bỏ đi tài liệu này.

+ Đối với người mang ma túy vào cho T chưa được làm rõ, lấy lời khai, chưa làm rõ thì làm sao kết luận quán K6 có sai phạm không, người của quán có mang ma túy vào không?

+ Nội dung tại trang 5 thể hiện T và Việt A thỏa thuận mua ma túy để sử dụng chung, Việt A gợi ý và T đồng thuận mua ma túy là không phù hợp với lời khai, diễn biến của bị cáo T và Việt A.

+ Về số tiền 30.000.000 đồng: đây là số tiền rút ra từ 02 tài khoản ngân hàng, và phù hợp với việc Việt A cho rằng đã bị dụ chuyển tiền để được thả về. Người nhận tiền không có mối quan hệ gì với Việt A, việc này đã được sao kê tài khoản ngân hàng để giao cơ quan điều tra. Việc tài khoản bị trừ tiền và việc chuyển tiền do Điều tra viên tên T2 kêu bị cáo Việt A chuyển tiền vào tài khoản do T2 chỉ định, nên cần làm rõ sự tác động không đúng khoa học, không đúng pháp luật làm khác đi sự thật khách quan của vụ án. Rõ ràng T và Việt A không thể liên hệ, liên quan với nhau do T đang bị bắt trong vụ án khác. Lời khai của T và Việt A là logic, không có tài liệu nào, lời khai nào thể hiện Việt A kêu mua ma túy, khối lượng bao nhiêu, loại gì…

+ Giới hạn việc đề nghị giải quyết chỉ dừng lại ở chỗ đề nghị xem xét hành vi của Trần Văn T5, và hiện nay Cơ quan điều tra -Viện Kiểm sát Tối cao sẽ xem xét luôn việc chấp hành trình tự tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng Quận A trong vụ án này.

+ Diễn biến lời khai của Việt A thể hiện các bản án sơ thẩm 1, sơ thẩm 2, phúc thẩm 1 thì bị cáo Việt A khai thống nhất, không được tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phù hợp với T từ những thời điểm sau ngày 21/8/2020. Chúng ta nhận định bị cáo Việt A hoàn toàn tỉnh táo, đủ sức khỏe là chưa đúng, vì người đang nghiện ma túy thì không thể có sức khỏe bình thường được.

+ Việc chứng minh bị cáo bị mớm cung, dụ cung thì ngoài lời khai của bị cáo, rõ ràng trong điều kiện hoàn cảnh bị giam giữ, không được tiếp xúc với ai thì không thể có tài liệu nào chứng minh được việc bị cáo bị mớm cung, do đó chúng ta đòi chứng cứ chứng minh việc này là khó.

- Từ 7 điểm nêu trên thì Bản án sơ thẩm, phúc thẩm lần 1 kết luận có đủ cơ sở để xác định bị cáo Việt A phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" là không đúng.

+ Toàn bộ hồ sơ vụ án thể hiện, Việt A không hề nhắc đến ma túy, Việt A chỉ nói hỏi "có đồ không", nhưng chỉ dựa vào câu nói này để kết tội người khác là chưa khách quan.

+ Bản án sơ thẩm nhận định có vi phạm tố tụng nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, việc nhận định như vậy là sai. Phần nhận định cho rằng cơ quan điều tra có sai phạm về trình tự thủ tục nhưng đã được khắc phục thì được chấp nhận khắc phục, nhưng lời khai của bị cáo Việt A trong tình trạng dương tính ma túy, không tỉnh táo thì không được khắc phục và khi Việt A thay đổi lời khai thì không được chấp nhận.

+ Ở trang số 15 nhận định các bị cáo cố tình phạm tội, bất chấp pháp luật, vì ham muốn bản thân, nhưng rõ ràng có khối lượng ma túy chưa được sử dụng, Việt A cũng dương tính với loại ma túy khác. Ma túy đưa vào phòng rồi thì 02 người dương tính đầu tiên là T và Việt A, chứ không phải như T và Việt A không dương tính với Ketamine.

+ Tại phiên tòa này thì T và Việt A trả lời rất rõ và khách quan, lời khai này tôi đã lưu ý thư ký ghi vào biên bản phiên tòa. Những vấn đề liên quan đến nguyên tắc như suy đoán vô tội hay không được căn cứ vào lời khai để buộc tội bị cáo cần được áp dụng để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên Nguyễn Việt A không phạm tội.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp với các quan điểm của 02 luật sư bào chữa cho bị cáo:

+ Thứ nhất, quan điểm cho rằng quá trình điều tra có vi phạm tố tụng trong việc thu giữ vật chứng của vụ án. Tuy nhiên cũng thông qua lời khai của bị cáo và vật chứng trong hồ sơ thể hiện sự thật khách quan: vào lúc 0h 40 phút ngày 14/8/2020 Nguyễn Việt A, Tăng Quốc T6 có mặt tại quán K6, có sử dụng ma túy và có thừa nhận về khối lượng ma túy thu giữ như Kết luận giám định đã nêu. Các vi phạm tố tụng này đã được khắc phục, giải thích, làm rõ trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

+ Thứ hai, người làm chứng Nguyễn Đức T3 khai khác đi để không bị xử lý, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thì hai bị cáo khai nhận hoàn toàn không biết gì anh T3, không có mâu thuẫn gì với 02 bị cáo. Anh T3 là người được yêu cầu ký niêm phong và mở niêm phong là đúng quy định, vì ma túy bị thu giữ tại quán của Anh T3.

+ Thứ 3, Quan điểm luật sư cho rằng vật chứng do cơ quan điều tra ngụy tạo, và đánh tráo ma túy là không có căn cứ, luật sư không có tư cách gì để kết luận cơ quan điều tra ngụy tạo, đánh giá chứng cứ. Ngoài việc luật sư suy đoán thì không có căn cứ, chứng cứ chứng minh là việc đánh tráo ma túy và ngụy tạo chứng cứ.

+ Thứ 4, quan điểm cho rằng bị cáo Việt A test ra loại ma túy khác với loại ma túy thu giữ. Tuy nhiên, tội danh tàng trữ trái phép chất ma túy chỉ cần xác định các bị cáo có cất giữ ma túy, không liên quan đến việc bị cáo sử dụng chất ma túy gì, việc bị cáo sử dụng loại chất gì không phải là yếu tố định tội.

Từ những phân tích nêu trên, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội như đã nêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Luật sư T4 tranh luận bổ sung: Bản chất của vụ án ở đây là gì mà đại diện Viện Kiểm sát cho rằng vi phạm tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, đề nghị Viện Kiểm sát làm rõ, vì trong vụ án này các biên bản điều tra điều lập không đúng tố tụng, không đúng thời gian, địa điểm. Do tác động của công an, mớm cung nên bị cáo mới nhận tội, sự thật bị cáo có chuyển 30 triệu theo yêu cầu của điều tra viên tên T5.

+ Luật sư K1 tranh luận bổ sung:

+ Đại diện Viện Kiểm sát chưa tranh luận về việc bản án sơ thẩm nhận định T6 và Việt A thỏa thuận mua ma túy để sử dụng, vì tại biên bản phiên tòa sơ thẩm Thái không khai như vậy, cụ thể tại trang 5.

+ Qúa trình điều tra chưa làm rõ trách nhiệm của ông T3, không quen biết, không mâu thuẫn nhưng không có nghĩa là không hại nhạu, không đổ lỗi cho nhau.

+ Bất cứ ai trong chúng ta cũng thấy tài khoản của Việt A bị trừ đi 30.000.000 đồng, việc chuyển tiền là do Việt A sợ thông báo về cơ quan, về gia đình, ai cũng làm vậy chứ không thể nói không có tội sao Việt A lại chuyển tiền.

+ Tại sao lại hiểu từ "đồ" là ma túy, không thể nào áp đặt để quy kết bị cáo phạm tội.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, vẫn giữ nguyên ý kiến kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp tiếp với các quan điểm của 02 luật sư bào chữa cho bị cáo: đối với ý kiến cho rằng tại trang 5 của Bản án quy chụp T6 và Việt A thỏa thuận mua ma túy sử dụng, việc nhận định như vậy là không quy chụp mà dựa vào lời khai ban đầu của bị cáo và các chứng cứ khác. Các vấn đề khác Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm như đã trình bày, không tranh luận bổ sung.

Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, việc tranh luận không phát sinh thêm tình tiết, nội dung nào mới.

Bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem lại toàn diện vụ án, bị cáo không phạm tội, bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 04/4/2023 bị cáo làm đơn kháng cáo kêu oan. Xét đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy

đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Qúa trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Việt A và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như Bản án sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận. Thực tế, diễn biến khách quan của vụ án thể hiện sự thật khách quan không thể thay đổi được, cụ thể là:

Khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14 tháng 8 năm 2020 Nguyễn Việt A cùng Tăng Quốc T, Nguyễn Thanh P, Tống Đoàn Minh Q, Đỗ Thị Cẩm H1, Nguyễn Thúy L, Đàm Thị Trúc B1, Châu Thị Kim Y đang ăn uống và hát karaoke tại phòng 4A1 nhà hàng K3, số F P, phường N, Quận A thì bị đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an Q1 kiểm tra phòng 4A1, tầng 4, nhà hàng K3. Qúa trình kiểm tra phát hiện trên bàn có một đĩa sứ đựng 0,6288 gam Ketamine, một thẻ nhựa, một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng quấn tròn, một gói nylon chứa 0,9991 gam Ketamine và 03 viên nén màu cam có khối lượng 0,9605 gam MDMA, sau đó Công an Q1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa về trụ sở công an những người có mặt trong phòng karaoke cùng tang vật của vụ án.

Như vậy, việc Nguyễn Việt A cùng Tăng Quốc T, Nguyễn Thanh P, Tống Đoàn Minh Q, Đỗ Thị Cẩm H1, Nguyễn Thúy L, Đàm Thị Trúc B1, Châu Thị Kim Y đang hát hát karaoke tại phòng 4A1 nhà hàng K3 và có sử dụng ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng được xác định phù hợp với lời khai của Tăng Quốc T, Nguyễn Việt A và 06 người khác cùng có mặt tại phòng 4A1, đây là sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, để xác định số ma túy bị thu giữ là của ai, do ai mang vào phòng 4A1 thì cần phải xem xét đánh giá toàn diện lời khai của các bị cáo và những đối tượng có mặt tại phòng 4A1, cùng với các chứng cứ vật chất khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể bị cáo Tăng Quốc T khai nhận như sau:

+ Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 14/8/2020 (Bút lục 50), bị cáo Tăng Quốc T khai nhận: *"Lúc 0 giờ 00 phút ngày 14/8/2020 tôi cùng Việt A và hai người bạn của Việt A, đến quán K6 tại phòng 4A1... để ca hát. Khoảng 10 phút sau Việt A có hỏi tôi sử dụng ma túy. Lúc này, tôi mới hỏi nhờ người bên ngoài phòng về ma túy để sử dụng, một lúc sau có một nhân viên đem ma túy vào trong cho mọi người cùng sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 40 phút thì có lực lượng công an đến mời tất cả về trụ sở làm việc".*

+ Tại các biên bản ghi lời khai vào các ngày 14/8/2020 (bút lục 74); biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2020 (Bút lục 78); biên bản hỏi cung bị can ngày 14/10/2020, 26/8/2020, 04/11/2020 (bút lục 82-86); biên bản đối chất giữa bị cáo T

và bị cáo Việt A ngày 14/8/2020 (bút lục 52): bị cáo Tằng Quốc T khai nhận: *"lúc 00 giờ 40 phút ngày 14/8/2020 tôi cùng bạn tên Việt A và hai người bạn của Việt A đến quán K6…để hát Karaoke. Khoảng 10 phút sau Việt A hỏi tôi "ở đây, có được chơi đồ không". Tôi trả lời "để ra ngoài hỏi xem sao"...* hoặc*: "Tại đây, tôi vào ngồi cạnh Việt A, sau đó Việt A có gợi ý "lấy đồ (ma túy)để chơi…"; "Ma túy được mua là do Việt A yêu cầu nên tôi làm theo, do đó khi tính tiền ma túy thì chỉ có tôi và Việt A sử dụng thì chia đều tiền cho ra hai người cùng nhau".*

Lời khai nêu trên của bị cáo Tằng Quốc T phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, đồng thời phù hợp với một số lời khai của bị cáo Nguyễn Việt A về việc xác định nguồn gốc số ma túy bị thu giữ và số ma túy đó là của ai. Cụ thể :

+ Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 14/8/2020 (Bút lục 50), bị cáo Nguyễn Việt A khai nhận: *"Lúc 0 giờ 30 phút ngày 14/8/2020 tôi cùng ba người bạn đến Việt A đến quán K6 tại phòng 4A1 để vui chơi cùng bốn em gái tiếp viên. Một lúc sau có lực lượng công an vào kiểm tra phát hiện trên bàn có 01 đĩa đựng ketamine và 03 viên thuốc lắc nên đã đưa tất cả chúng tôi về trụ sở để làm rõ…".*

+ Tại các biên bản ghi lời khai vào các ngày 14/8/2020 (bút lục 112); ngày 20/8/2020 (bút lục 114); bản tự khai ngày 20/8/2020 bị cáo Việt A khai nhận: "Đến khoản 23 giờ 00 cùng ngày, tôi, T, P, Q thống nhất tiếp tục đến *quán K6…để hát Karaoke… Tại đây, T ngồi canh tôi sau đó có gợi ý "lấy đồ (ma túy)" để chơi cho vui và tôi đồng ý thì T đi ra ngoài làm gì, liên lạc với ai thì tôi không rõ…*

+ Tại biên bản đối chất ngày 14/8/2020 giữa bị cáo Việt A và bị cáo T (Bút lục 52), bị cáo Việt A khai nhận: "*Thái trình bày về nội dung bắt giữ và quá trình việc chúng tôi có mặt tại phòng Karaoke 4A1 là đúng, cũng như tôi sử dụng chất ma túy nhưng tôi không có gợi ý T lấy ma túy mà do T gợi ý trước, sau đó tôi đồng ý với T…"*

+ Tại biên bản đối chất ngày 20/8/2020 giữa bị cáo Việt A và bị cáo T (Bút lục 58), bị cáo Việt A khai nhận: *"Tôi- T thỏa thuận mua ma túy sử dụng và khi tính tiền ma túy thì tôi – Thái chia đôi, hùn tiền vào để trả cho người bán".*

Như vậy, lời khai của Nguyễn Việt A từ thời điểm bắt quả tang (14/8/2020) đến ngày 20/8/2020, có thừa nhận đồng ý theo sự gợi ý của T về việc mua ma túy để sử dụng chung và ma túy do Việt A và T thỏa thuận mua, cùng góp tiền để trả tiền mua ma túy. Tuy vậy, từ ngày 21/8/2020 các giai đoạn tố tụng tiếp sau thời điểm này, bị cáo Nguyễn Việt A đã thay đổi lời khai cho rằng giai đoạn đầu khi bị tạm giữ bị cáo không tỉnh táo do say rượu và có ma túy trong người nên có lời khai không đúng hoặc do bị cáo bị cán bộ điều tra tên T5 dụ cung, yêu cầu chuyển 30 triệu đồng và hướng dẫn để cho lời khai nhận tội không đúng sự thật; bị cáo không phạm tội như Bản án sơ thẩm đã kết luận. Đồng thời, bị cáo cho rằng qúa trình điều tra vụ án này, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có vi phạm một số thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ đối với vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T cũng thay đổi lời khai cho rằng: bị cáo Việt A chỉ hỏi "ở đây có đồ không", T hiểu nhầm ý Việt A đồ là ma túy nên đã mua ma túy mang

vào phòng để sử dụng, việc mua ma túy không liên quan đến V.

Hội đồng xét xử xét thấy: trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận: khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14 tháng 8 năm 2020 Nguyễn Việt A cùng Tằng Quốc T, Nguyễn Thanh P, Tống Đoàn Minh Q, Đỗ Thị Cẩm H1, Nguyễn Thúy L, Đàm Thị Trúc B1, Châu Thị Kim Y đang ăn uống và hát karaoke tại phòng 4A1 nhà hàng K3, thì bị kiểm tra, thu giữ 01 đĩa sứ đựng chất bột màu trắng, 01 gói nilon chứa chất bột màu trắng, 03 viên nén màu cam, bị cáo có ký tên vào bản ảnh thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và bị bắt giữ, sau đó đưa về trụ sở công an cùng những người có mặt trong phòng karaoke cùng tang vật của vụ án. Và thừa nhận số ma túy thu giữ tại phòng 4A1, có mặt của các bị cáo như khối lượng kết luận giám định đã nêu là**: 1,6279 gam Ketamine và 0,9605 gam MDMA.**

Trên cơ sở lời khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Việt A, phù hợp với lời khai của Tằng Quốc T và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 14/8/2020 (Bút lục 50); biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục 330). Biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng (bút lục 61); bản ảnh hiện trường (bút lục 332) có căn cứ để xác định khối lượng: 1,6279 gam Ketamine và 0,9605 gam MDMA do bị cáo Tằng Quốc T và Nguyễn Việt A cùng mua để sử dụng chung tại phòng 4A1, nhà hàng K3; thực tế khi các bị cáo đang sử dụng ma túy thì bị phát hiện quả tang cùng vật chứng là ma túy bị thu giữ trong vụ án.

Mặc dù một số vi phạm tố tụng trong quá trình điều tra nhưng những vi phạm này đã được cơ quan điều tra cấp sơ thẩm giải thích, khắc phục và việc vi phạm đó cơ bản không làm thay đổi bản chất và diễn biến khách quan của vụ án. Các Bị cáo thay đổi lời khai, viện dẫn các vi phạm về tố tụng để cho rằng bị cáo Việt A không phạm tội, ma túy bị thu giữ không phải của bị cáo là không phù hợp với diễn biến hành vi khách quan của các bị cáo Việt A và T. Lời khai của các bị cáo được dùng để gỡ tội, hoặc buộc tội thì phải phù hợp với các chứng cứ khác và phù hợp với diễn biến khách quan hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ cơ sở xác định: khoảng 00 giờ 40 phút ngày 14 tháng 8 năm 2020, Nguyễn Việt A và Tằng Quốc T có hành vi tàng trữ tổng cộng 1,6279 gam Ketamine và 0,9605 gam MDMA để cùng sử dụng tại phòng 4A1 tầng 4, nhà hàng K3 thì bị phát hiện bắt quả tang. Với hành vi đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Việt A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Qúa trình điều tra vụ án này, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có vi phạm một số thủ tục tố tụng như: Biên bản khám nghiệm hiện trường không có chữ ký của Tống Đoàn Minh Q, Nguyễn Thanh P, Đỗ Thị Cẩm H1 là những người có mặt tại phòng 4A1 của quán Karaoke nêu trên (bút lục 330). Biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng và việc mở niêm phong không có chữ ký của các bị cáo mà có chữ ký của quản lý nhà hàng là ông Nguyễn Đức T3 (bút lục 61); bản

ảnh hiện trường ghi sai ngày xảy ra vụ án (ngày 18 tháng 8 năm 2020) (bút lục 332). Xét thấy, những vi phạm này đã được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm giải thích, làm rõ và khắc phục như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Đồng thời, các vi phạm này không làm thay đổi sự thật khách quan của vụ án, không ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ, cũng như việc xác định tội danh, và người phạm tội trong vụ án này.

Do đó, quan điểm của các luật sư và bị cáo cho rằng do có vi phạm tố tụng nên việc điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm gây oan sai cho bị cáo là không có căn cứ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tương tự như đối với các vụ án khác theo thẩm quyền.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Việt A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không oan sai. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Việt A.

[3]. Đối với số tiền 30.000.000 đồng, Việt A đã chuyển vào tài khoản số 0071001131522 cho bà Huỳnh Lâm Trúc P2. Theo yêu cầu của cán bộ điều tra T5 để được giúp đỡ và cho về nhà như lời khai của Việt A. Nội dung này đang được Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đang xác minh. Do đó, kiến nghị Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao tiếp tục làm rõ về hành vi đưa và nhận số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm bào chữa của các luật sư tại phiên tòa.

[5] Riêng đối với việc áp dụng hình phạt đối với 02 bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm xác định tuyên thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt: 01 (một) năm 02 (hai) tháng 08 (tám) ngày tù đối với bị cáo Nguyễn Việt A là có sai sót, nên cần chỉnh sửa lại cho đúng. Cụ thể, mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Việt A là: 01 năm 02 tháng 01 ngày.

Tương tự đối với bị cáo Tăng Quốc T: Hội đồng xét xử nhận thấy tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm xác định tuyên thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng tuyên bị cáo 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù là có sai sót. Mặc dù bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị nhưng để không làm bất lợi cho bị cáo, căn cứ vào Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sửa lại mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo theo đúng quy định, cụ thể: mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Tăng Quốc T là: 01 năm 04 tháng 21 ngày.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 345, Điều 346 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm i khoản 1Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt A 01 (một) năm 02 (hai) tháng 01 (một) ngày tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2021; do thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam nên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Tăng Quốc T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Việt A phải nộp 200.000 đồng án phí.

Kiến nghị Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao tiếp tục làm rõ về hành vi đưa và nhận đối với số tiền 30.000.000 đồng, Nguyễn Việt A đã chuyển vào tài khoản số 0071001131522 cho bà Huỳnh Lâm Trúc P2, theo yêu cầu của cán bộ điều tra Trần Giang T2 để được giúp đỡ và cho về nhà như lời khai của Nguyễn Việt A, nếu đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về các vấn đề không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- P.PV 06 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Người bào chữa; (2)
- TAND Q.1; (2)
- Người có QL&NVLQ; (11)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (28) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà.